

Số:/KH-TMN
(Dự thảo)

Khánh An, ngày 06 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
THU-CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ,
THU HỘ CHI HỘ, THỎA THUẬN
NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào Công văn số 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/8/2024 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025;

Trường Mầm non Khánh An xây dựng dự thảo Kế hoạch dự trừ kinh phí các khoản thu dịch vụ, thu hộ chi hộ, thỏa thuận thay cha mẹ trẻ thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH CỤ THỂ:

A. PHẦN THU

1. Thu học phí:

Mẫu giáo: 3 tuổi, 4 tuổi: 73.000 đồng/trẻ/tháng. Trẻ 5 tuổi được miễn học phí
Nhà trẻ: 85.000 đồng/trẻ/tháng

2. Các khoản thu dịch vụ (thỏa thuận), phục vụ hoạt động giáo dục

2.1. Tổ chức bán trú

1.1.1. Tiền ăn của trẻ:

- Mức thu: 19.000 đồng/trẻ/ngày.

1.1.2. Tiền chăm sóc bán trú:

- Mức thu: 90.000 đồng/trẻ/tháng

1.1.3. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú:

a) Thu lần đầu tuyển mới vào trường

- Mức thu: 300.000 đồng/năm/trẻ.

b) Thu bổ sung hàng năm để đầu tư thay thế dụng cụ hư hỏng, mất mát.

- Mức thu: 100.000 đồng/năm/trẻ.

2.2. Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vào ngày thứ 7

- Mức thu: 30.000 đồng/ngày/trẻ.

2.3. Tiền vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh.

- Mức thu: 25.000 đồng/tháng/trẻ.

2.4. Tiền nước sinh hoạt, sửa chữa bảo dưỡng đường nước

- Mức thu: 10.000 đồng/tháng/trẻ.

2.5. Tiền học tập, học phẩm (mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu của trẻ)

- Nhà trẻ: 165.000 đồng/trẻ/năm học.

- Mẫu giáo: 200.000 đồng/trẻ/năm học.

Các loại đồ dùng cá nhân trẻ, đồ chơi, học liệu của trẻ (theo danh mục quy định tại Thông tư 34/2014 của Bộ GDĐT sửa đổi Thông tư 02/2010).

3. Các khoản thu khác:**3.1. Tin nhắn điện tử SMAS**

- Dự kiến mức phí tin nhắn: 60.000đồng/trẻ/năm.

3.2. Bảo hiểm thân thể

Để bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho học sinh, phí Bảo hiểm: 200.000 đ/trẻ/năm.

B. PHẦN CHI

1. Chi học phí: 40% chi trả lương cho CBGVNV, 60% chi cho các hoạt động trong nhà trường

2. Các khoản thu dịch vụ (thỏa thuận), phục vụ hoạt động giáo dục ngoài học phí

2.1. Tổ chức bán trú

1.1.1. Tiền ăn của trẻ. Trong đó:

- Tiền mua lương thực, thực phẩm: Chi theo xuất ăn thực tế

- Tiền chi phí phục vụ nấu ăn Trong đó:

+ Tiền chất đốt (ga), Gia vị, nước rửa bát, nước lau sàn nhà bếp...: Chi theo hóa đơn thực tế

1.1.2. Tiền chăm sóc bán trú. Trong đó:

- Chi trả tiền công cô nuôi dưỡng, hỗ trợ công tác chăm sóc bán trú

1.1.3. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú:

Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú: Bao gồm tiền mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn (xoong, nồi, bát đĩa, dao, thớt, rổ rá, cối xay thịt, cối say cua, dụng cụ chia đồ ăn... và các dụng cụ khác liên quan đến phục vụ nấu ăn); Chi phí mua đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (khăn mặt, ca cốc, xô vệ sinh, bát đĩa, thìa, chần, chiếu và các

đồ dùng cá nhân khác).

2.2. Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vào ngày thứ 7

Nội dung chi: Bao gồm chi phí bồi dưỡng cho giáo viên, công tác quản lý, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác được phân công và các chi phí khác có liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

- Bồi dưỡng giáo viên, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác trông giữ trẻ ngày thứ 7 (tối đa là 82% số tiền thu được).

- Chi công tác quản lý (tối đa là 15% số tiền thu được).

- Chi phí khác có liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ: Giấy VS, bột giặt, nước lau sàn...phục vụ HS học đi thứ 7 (tối đa là 3% số tiền thu được).

2.3. Tiền vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh.

- Chi trả tiền thuê nhân viên quét dọn, vệ sinh trường lớp, khu vệ sinh

- Chi mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh (găng tay, chổi, xô, chậu, nước vệ sinh, giấy vệ sinh, xà phòng, nước tẩy vệ sinh, bột giặt, nước lau sàn, nước rửa tay, nước sát khuẩn, thùng đựng rác, bộ cây lau nhà...) và các chi phí khác có liên quan.

2.4. Tiền nước sinh hoạt, sửa chữa bảo dưỡng đường nước

- Chi tiền nước sinh hoạt: theo hóa đơn thực tế với nhà cung cấp.

- Chi sửa chữa, thay thế các thiết bị cung cấp nước, thay thế quả lọc nước.

2.5. Tiền học tập, học phẩm (mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu của trẻ)

- Chi mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ ở các độ tuổi: bút chì, sáp màu, đất nặn, bảng, phấn, keo, kéo, gậy TD, vòng TD, Bé tập tạo hình, Bé làm quen với toán, Bé làm quen với chữ cái, Bộ làm quen với toán, sổ sức khỏe, biểu đồ...

2.6. Tin nhắn điện tử SMART

- Nộp tiền cho công ty cung cấp dịch vụ (VNPT) Yên Khánh: Có danh sách, phiếu thu kèm theo.

3. Bảo hiểm thân thể:

Nộp cho công ty bảo hiểm Bảo Minh, BSH, Bưu điện

II. Cách thức tổ chức thực hiện:

1. Thống nhất văn bản về chủ trương trong Ban chi ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường, Ban Thường trực cha mẹ học sinh trường.

2. Lập kế hoạch thu, chi các khoản thu dịch vụ, thu hộ chi hộ, thu theo thỏa thuận năm học 2024-2025. Niêm yết công khai để tiếp thu ý kiến đóng góp và hoàn chỉnh kế hoạch.

3. Triển khai kế hoạch thu, chi các khoản thu dịch vụ, thu hộ chi hộ, thu theo thỏa thuận năm học 2024-2025 trong Chi bộ, hội đồng sư phạm nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

4. Tổ chức họp cha mẹ học sinh toàn trường để lấy ý kiến.

5. Tiến hành niêm yết công khai các khoản thu, chi theo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch.

6. Các khoản tiền thu sẽ được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Công văn số 1362/SGDDĐT-KHTC ngày 30/8/2024 của Sở GDĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025;

Trên đây là Dự thảo kế hoạch thu, chi các khoản thu dịch vụ, thu hộ chi hộ, thu theo thỏa thuận năm học 2024-2025 của trường Mầm non Khánh An.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Đảng ủy xã; UBND xã;
- Ban Đại diện CMHS trường; (để phối hợp)
- Lưu: HSKT.

} (để báo cáo)

TM. NHÀ TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Kim Dung